



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

Website: www.dawaco.com.vn; Email: dawacojsc@gmail.com

Trụ sở: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3697.737; Fax: (0236) 3697.222; LabDawaco: (0236) 3702.662

Số: 165-1/CLN/LABDAWACO

Ngày 28/9/2020

Trang 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Tên mẫu : NƯỚC XỬ LÝ TRẠM CẤP NƯỚC KHE LẠNH

Vị trí lấy mẫu : Trạm cấp nước Khe Lạnh

Ngày lấy mẫu : 21/9/2020

Tuần : 39

Tháng: 9/2020

Ngày nhận mẫu : 21/9/2020

Ký hiệu mẫu : 165-1

Số lượng/Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong bình nhựa khoảng 1500ml và 02 chai thủy tinh khoảng 200ml/chai

Người lấy mẫu : Nguyễn Đình Hiếu

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	< 5 (MQL)	≤15	Từ ngày 21/9/2020 đến 26/9/2020
2	Mùi vị		Cảm quan	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	
3	Độ đục	NTU	Ref TCVN 6184:2008	1,24	≤2	
4	pH	pH	TCVN 6492:2011	7,05	6,5-8,5	
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/l	TCVN 6224:1996	< 5 (MQL)	≤300	
6	Hàm lượng Clorua	mg/l	TCVN 6194:1996	5,5	≤300	
7	Hàm lượng Sắt tổng số	mg/l	TCVN 6177:1996	< 0,030 (MQL)	≤0,3	
8	Hàm lượng Mangan tổng số	mg/l	TCVN 6002:1995	< 0,040 (MQL)	≤0,3	
9	Hàm lượng Nitrit	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	KPH(MDL=0,015)	≤3	
10	Hàm lượng Nitrat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	0,99	≤50	
11	Hàm lượng Sunphat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	1,1	≤250	
12	Chỉ số Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,58	≤2	
13	Coliform tổng số	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	0	
14	E. coli		TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	0	
15	Clo dư	mg/l	PP so màu orthotolidine	0,50	0,3 - 0,5	21/9/2020

*** Ghi chú:**

- Quá trình lấy mẫu được thể hiện theo Biên bản lấy mẫu và bàn giao mẫu nước số: 165/LABDAWACO ngày 21/9/2020.
- Tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống do Bộ Y tế ban hành.
- 'Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.
- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

KPH: Không phát hiện.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

*** Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM



HỒNG HƯƠNG

PHẠM VIỆT HƯNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

Website: www.dawaco.com.vn; Email: dawacojsc@gmail.com

Trụ sở: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3697.737; Fax: (0236) 3697.222; LabDawaco: (0236) 3702.662

Số: 158-2/CLN/LABDAWACO

Ngày 21/9/2020

Trang 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Tên mẫu : NƯỚC XỬ LÝ TRẠM CẤP NƯỚC KHE LẠNH

Vị trí lấy mẫu : Trạm cấp nước Khe Lạnh

Ngày lấy mẫu : 14/9/2020

Tuần : 38

Tháng: 9/2020

Ngày nhận mẫu : 14/9/2020

Ký hiệu mẫu : 158-2

Số lượng/Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong bình nhựa khoảng 1500ml và 02 chai thủy tinh khoảng 200ml/chai

Người lấy mẫu : Nguyễn Đình Hiếu

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	KPH(MDL=2)	≤ 15	Từ ngày 14/9/2020 đến 19/9/2020
2	Mùi vị		Cảm quan	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	
3	Độ đục	NTU	Ref TCVN 6184:2008	0,35	≤ 2	
4	pH	pH	TCVN 6492:2011	7,34	6,5-8,5	
5	Độ cứng, tính theo CaCO_3	mg/l	TCVN 6224:1996	5	≤ 300	
6	Hàm lượng Clorua	mg/l	TCVN 6194:1996	5,7	≤ 300	
7	Hàm lượng Sắt tổng số	mg/l	TCVN 6177:1996	KPH(MDL=0,010)	$\leq 0,3$	
8	Hàm lượng Mangan tổng số	mg/l	TCVN 6002:1995	KPH(MDL=0,012)	$\leq 0,3$	
9	Hàm lượng Nitrit	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	KPH(MDL=0,015)	≤ 3	
10	Hàm lượng Nitrat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	1,07	≤ 50	
11	Hàm lượng Sunphat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	0,9	≤ 250	
12	Chỉ số Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	$< 0,50$ (MQL)	≤ 2	
13	Coliform tổng số	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	0	
14	E. coli		TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	0	
15	Clo dư	mg/l	PP so màu orthotolidine	0,50	0,3 - 0,5	14/9/2020

* Ghi chú:

- Quá trình lấy mẫu được thể hiện theo Biên bản lấy mẫu và bàn giao mẫu nước số: 158/LABDAWACO ngày 14/9/2020.
- Tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống do Bộ Y tế ban hành.
- 'Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.
- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

KPH: Không phát hiện.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

* Nhận xét: Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN PHƯỚC THƯƠNG

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

PHẠM VIỆT HÙNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

Website: www.dawaco.com.vn; Email: dawacojsc@gmail.com

Trụ sở: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3697.737; Fax: (0236) 3697.222; LabDawaco: (0236) 3702.662

Số: 150-1/CLN/LABDAWACO

Ngày 14/9/2020

Trang 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Tên mẫu : NƯỚC XỬ LÝ TRẠM CẤP NƯỚC KHE LẠNH

Vị trí lấy mẫu : Trạm cấp nước Khe Lạnh

Ngày lấy mẫu : 07/9/2020

Tuần : 37

Tháng: 9/2020

Ngày nhận mẫu : 07/9/2020

Ký hiệu mẫu : 150-1

Số lượng/Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong bình nhựa khoảng 1500ml và 02 chai thủy tinh khoảng 200ml/chai

Người lấy mẫu : Nguyễn Đình Hiếu

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	11	≤ 15	Từ ngày 07/9/2020 đến 12/9/2020
2	Mùi vị		Cảm quan	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	
3	Độ đục	NTU	Ref TCVN 6184:2008	$< 0,30$ (MQL)	≤ 2	
4	pH	pH	TCVN 6492:2011	7,34	6,5-8,5	
5	Độ cứng, tính theo CaCO_3	mg/l	TCVN 6224:1996	5	≤ 300	
6	Hàm lượng Clorua	mg/l	TCVN 6194:1996	5,0	≤ 300	
7	Hàm lượng Sắt tổng số	mg/l	TCVN 6177:1996	$< 0,030$ (MQL)	$\leq 0,3$	
8	Hàm lượng Mangan tổng số	mg/l	TCVN 6002:1995	$< 0,040$ (MQL)	$\leq 0,3$	
9	Hàm lượng Nitrit	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	$< 0,050$ (MQL)	≤ 3	
10	Hàm lượng Nitrat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	0,82	≤ 50	
11	Hàm lượng Sunphat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	1,0	≤ 250	
12	Chỉ số Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	$< 0,50$ (MQL)	≤ 2	
13	Coliform tổng số	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	0	
14	E. coli		TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	0	
15	Clo dư	mg/l	PP so màu orthotolidine	0,50	0,3 - 0,5	7/9/2020

*** Ghi chú:**

- Quá trình lấy mẫu được thể hiện theo Biên bản lấy mẫu và bàn giao mẫu nước số: 150/LABDAWACO ngày 07/9/2020.
- Tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống do Bộ Y tế ban hành.
- 'Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.
- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

KPH: Không phát hiện.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

*** Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.



KT TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN PHƯỚC THƯƠNG

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

PHẠM VIỆT HƯNG



Số: 142-1/CLN/LABDAWACO

Ngày 07/9/2020

Trang 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Tên mẫu : NƯỚC XỬ LÝ TRẠM CẤP NƯỚC KHE LẠNH

Vị trí lấy mẫu : Trạm cấp nước Khe Lạnh

Ngày lấy mẫu : 31/8/2020

Tuần : 36

Tháng: 9/2020

Ngày nhận mẫu : 31/8/2020

Ký hiệu mẫu : 142-1

Số lượng/Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong bình nhựa khoảng 1500ml và 02 chai thủy tinh khoảng 200ml/chai

Người lấy mẫu : Nguyễn Đình Hiếu

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	< 5 (MQL)	≤15	Từ ngày 31/8/2020 đến 05/9/2020
2	Mùi vị		Cảm quan	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	
3	Độ đục	NTU	Ref TCVN 6184:2008	< 0,30 (MQL)	≤2	
4	pH	pH	TCVN 6492:2011	7,32	6,5-8,5	
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/l	TCVN 6224:1996	5	≤300	
6	Hàm lượng Clorua	mg/l	TCVN 6194:1996	< 5,0 (MQL)	≤300	
7	Hàm lượng Sắt tổng số	mg/l	TCVN 6177:1996	< 0,030 (MQL)	≤0,3	
8	Hàm lượng Mangan tổng số	mg/l	TCVN 6002:1995	< 0,040 (MQL)	≤0,3	
9	Hàm lượng Nitrit	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	0,02	≤3	
10	Hàm lượng Nitrat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	0,20	≤50	
11	Hàm lượng Sunphat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	0,8	≤250	
12	Chỉ số Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0,42	≤2	
13	Coliform tổng số	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	0	
14	E. coli		TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	0	
15	Clo dư	mg/l	PP so màu orthotolidine	0,50	0,3 - 0,5	31/8/2020

* Ghi chú:

- Quá trình lấy mẫu được thể hiện theo Biên bản lấy mẫu và bản giao mẫu nước số: 142/LABDAWACO ngày 31/8/2020.
- Tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống do Bộ Y tế ban hành.
- 'Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.
- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

KPH: Không phát hiện.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

* Nhận xét: Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

PHẠM VIỆT HÙNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

Website: www.dawaco.com.vn; Email: dawacojsc@gmail.com

Trụ sở: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3697.737; Fax: (0236) 3697.222; LabDawaco: (0236) 3702.662

Số: 135-1/CLN/LABDAWACO

Ngày 31/8/2020

Trang 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Tên mẫu : NƯỚC XỬ LÝ TRẠM CẤP NƯỚC KHE LẠNH

Vị trí lấy mẫu : Trạm cấp nước Khe Lạnh

Ngày lấy mẫu : 24/8/2020

Tuần : 35

Tháng: 8/2020

Ngày nhận mẫu : 25/8/2020

Ký hiệu mẫu : 135-1

Số lượng/Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong bình nhựa khoảng 1500ml và 02 chai thủy tinh khoảng 200ml/chai

Người lấy mẫu : Nguyễn Đình Hiếu

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	< 5 (MQL)	≤15	Từ ngày 25/8/2020 đến 29/8/2020
2	Mùi vị		Cảm quan	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	
3	Độ đục	NTU	Ref TCVN 6184:2008	< 0,30 (MQL)	≤2	
4	pH	pH	TCVN 6492:2011	7,33	6,5-8,5	
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/l	TCVN 6224:1996	5	≤300	
6	Hàm lượng Clorua	mg/l	TCVN 6194:1996	< 5,0 (MQL)	≤300	
7	Hàm lượng Sắt tổng số	mg/l	TCVN 6177:1996	KPH(MDL=0,010)	≤0,3	
8	Hàm lượng Mangan tổng số	mg/l	TCVN 6002:1995	< 0,040 (MQL)	≤0,3	
9	Hàm lượng Nitrit	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	KPH(MDL=0,015)	≤3	
10	Hàm lượng Nitrat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	0,49	≤50	
11	Hàm lượng Sunphat	mg/l	Ref TCVN 6494-1:2011	2,4	≤250	
12	Chỉ số Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	< 0,50 (MQL)	≤2	
13	Coliform tổng số	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	0	
14	E. coli		TCVN 6187-2:1996	< 1 (KPH)	0	
15	Clo dư	mg/l	PP so màu orthotolidine	0,50	0,3 - 0,5	24/8/2020

*** Ghi chú:**

- Quá trình lấy mẫu được thể hiện theo Biên bản lấy mẫu và bản giao mẫu nước số: 135/LABDAWACO ngày 24/8/2020.
- Tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống do Bộ Y tế ban hành.
- 'Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.
- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

KPH: Không phát hiện.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

*** Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN PHƯỚC THƯƠNG

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

PHẠM VIỆT HÙNG